

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 23/8/2026 - Buổi chiều thời gian: 13g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-267	25614350	Trần Bảo	Trâm	11/11/2007	Nữ	TP. HCM	A2	B301
02	A2-268	24641140	Ngô Thị Bảo	Trân	10/04/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B301
03	A2-269	24641188	Nguyễn Minh	Triết	18/07/2006	Nam	Bến Tre	A2	B301
04	A2-270	24662031	Phạm Minh	Trọng	17/09/2006	Nam	TP. HCM	A2	B301
05	A2-271	24612069	Nguyễn Đăng	Tuấn	18/05/2006	Nam	Đồng Nai	A2	B301
06	A2-272	24662026	Võ Công Tin	Tướng	04/08/2004	Nam	An Giang	A2	B301
07	A2-273	24641218	Nguyễn Thanh	Tuyền	27/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B301
08	A2-274	25641067	Nguyễn Minh	Uyên	25/08/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B301
09	A2-275	24641162	Nguyễn Thị Tường	Vy	01/11/2005	Nữ	Cần Thơ	A2	B301
10	A2-276	24600060	Huỳnh Thị Xuân	Yến	11/02/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B301
11	A2-277	24631296	Trịnh Thị Nhật	Băng	01/09/2006	Nữ	Bạc Liêu	A2	B301
12	A2-278	24600344	Nguyễn Phúc	Đàm	20/04/2005	Nam	An Giang	A2	B301
13	A2-279	24631305	Nguyễn Trí	Dũng	01/07/2004	Nam	TP. HCM	A2	B301
14	A2-280	24631356	Trần Thị Thuỳ	Dương	17/10/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B301
15	A2-281	24611159	Ngô Trần Kiều	Duyên	02/03/2006	Nữ	Cà Mau	A2	B301
16	A2-282	24671025	Nguyễn Trà	Giang	07/10/2005	Nữ	Đắk Lắk	A2	B301
17	A2-283	25635061	Nguyễn Võ Minh	Hằng	01/05/2007	Nữ	TP. HCM	A2	B301
18	A2-284	24671038	Nguyễn Thị Thu	Hiền	16/09/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B301
19	A2-285	24600133	Trần Thái	Hiệp	01/01/2006	Nam	Tiền Giang	A2	B301
20	A2-286	24611122	Nguyễn Thị	Hiếu	10/12/2006	Nữ	Đắk Lắk	A2	B301
21	A2-287	24671013	Huỳnh Thị Cẩm	Hồng	10/07/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B301
22	A2-288	24600029	Y quyết	Kbuôr	12/08/2003	Nam	Đắk Lắk	A2	B301
23	A2-289	24611066	Đặng Thị Trúc	Linh	29/05/2006	Nữ	Đồng Tháp	A2	B301
24	A2-290	24611172	Đỗ Trúc	Linh	24/10/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B301
25	A2-291	23631297	Nguyễn Ngọc	Mai	12/04/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B301
26	A2-292	24631312	Trương Ngọc	Mai	23/08/2006	Nữ	Gia Lai	A2	B301
27	A2-293	24631274	Néang Si	Mai	04/02/2006	Nữ	An Giang	A2	B301
28	A2-294	24641246	Chấn Thị Kim	Ngân	22/06/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B301
29	A2-295	24631217	Nguyễn Khánh	Ngọc	06/05/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B301
30	A2-296	24611189	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	20/04/2006	Nữ	An Giang	A2	B301
31	A2-297	24631155	Nguyễn Duy	Nguyễn	01/11/2006	Nam	Long An	A2	B301
32	A2-298	22661072	Nguyễn Trọng	Nhân	27/08/2004	Nam	Bến Tre	A2	B301
33	A2-299	24611014	Võ Tú	Nhi	06/04/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B301
34	A2-300	24631078	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	25/09/2006	Nữ	Vĩnh Long	A2	B301
35	A2-301	24671028	Y	Quải	01/04/1998	Nữ	Kon Tum	A2	B301
36	A2-302	24611087	Phạm Như	Quỳnh	09/06/2006	Nữ	Đắk Lắk	A2	B301
37	A2-303	24631306	Nguyễn Ngọc Hải	Thanh	01/08/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B301
38	A2-304	24600525	Phạm Nguyễn Anh	Thư	07/02/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B301
39	A2-305	24600463	Võ Thị Ngọc	Thư	21/09/2006	Nữ	Bình Thuận	A2	B301

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 23/8/2026 - Buổi chiều thời gian: 13g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-306	24600545	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	Nữ	Kiên Giang	A2	B302
02	A2-307	24671011	Nguyễn Thị Triều	Tiên	05/10/2003	Nữ	Bến Tre	A2	B302
03	A2-308	24635160	Võ Thị Ngọc	Trâm	05/02/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B302
04	A2-309	24600321	Nguyễn Thị Bích	Trâm	24/03/2006	Nữ	Bình Thuận	A2	B302
05	A2-310	24611077	Nguyễn Ngọc Hà	Trân	23/02/2006	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
06	A2-311	24600438	Nguyễn Thị Kiều	Trang	21/02/2006	Nữ	An Giang	A2	B302
07	A2-312	24600455	Phạm Thị Thu	Trúc	16/04/2003	Nữ	Ninh Thuận	A2	B302
08	A2-313	24611083	Điền Thị Hoài	Ty	21/06/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
09	A2-314	24611008	Lâm Thuý	Vi	21/02/2001	Nữ	Bạc Liêu	A2	B302
10	A2-315	24611056	Ngô Tường	Vy	23/05/2006	Nữ	Bình Định	A2	B302
11	A2-316	24641219	Trịnh Tường	Vy	20/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
12	A2-317	24671023	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	22/05/2006	Nữ	Long An	A2	B302
13	A2-318	24600111	Phan Ngọc	Vy	11/09/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B302
14	A2-319	24600126	Nguyễn Thảo	Vy	01/11/2006	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
15	A2-320	24611163	Trần Bảo	Vy	20/01/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B302
16	A2-321	24611016	Phạm Thị Hoài	Xuân	13/02/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
17	A2-322	24611161	Trần Xuân	Yến	28/09/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B302
18	A2-323	23631181	Trần Ngọc Trâm	Anh	05/03/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
19	A2-324	24651005	Bùi Lê Tấn	Đạt	19/10/2002	Nam	TP. HCM	A2	B302
20	A2-325	23682077	Đinh Thị Thanh	Diễm	10/07/2005	Nữ	Đắk Lắk	A2	B302
21	A2-326	23641462	Lê Thị Hồng	Diệp	20/03/2005	Nữ	An Giang	A2	B302
22	A2-327	23631118	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	28/08/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
23	A2-328	22631248	Phạm Nguyễn Khánh	Hà	01/02/2004	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B302
24	A2-329	24631197	Châu Thị Ngọc	Hân	14/09/2003	Nữ	Đồng Tháp	A2	B302
25	A2-330	24631153	Phạm Hồng	Hạnh	07/04/2001	Nữ	TP. HCM	A2	B302
26	A2-331	25671004	Nguyễn Thị	Hiền	26/07/2003	Nữ	Hưng Yên	A2	B302
27	A2-332	23682066	Nguyễn Thị	Hoa	26/03/2005	Nữ	Thanh Hóa	A2	B302
28	A2-333	24635142	Đỗ Thị Ngọc	Huệ	15/11/2006	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
29	A2-334	23682121	Nguyễn Trần Hồng	Linh	08/08/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B302
30	A2-335	23600011	Nguyễn Hoàng Xuân	Long	05/07/2002	Nam	Bình Dương	A2	B302
31	A2-336	23600228	Nguyễn văn thành	Long	17/08/2005	Nam	Đắk Nông	A2	B302
32	A2-337	24635084	Nguyễn Phi	Long	02/03/2006	Nam	Quảng Ngãi	A2	B302
33	A2-338	23600297	Vũ Nguyễn Hà	My	30/08/2006	Nữ	Long An	A2	B302
34	A2-339	24635143	Danh Mỹ	Ngọc	05/07/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B302
35	A2-340	23600070	Lê Nguyễn Bình	Nhi	09/09/2005	Nữ	Đắk Lắk	A2	B302
36	A2-341	20682074	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	28/12/2002	Nữ	Kiên Giang	A2	B302
37	A2-342	24635009	Trần Thị Quỳnh	Như	04/08/2004	Nữ	Long An	A2	B302
38	A2-343	23682041	Siti Nor	Nisa	15/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
39	A2-344	23682098	Châu Hữu	Tài	24/04/2004	Nam	TP. HCM	A2	B302

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 23/8/2026 - Buổi chiều thời gian: 13g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-345	23682120	Huỳnh Trung	Thanh	11/07/2004	Nam	Đồng Tháp	A2	B303
02	A2-346	23641113	Nguyễn Xuân	Thành	09/04/2005	Nam	TP. HCM	A2	B303
03	A2-347	23611160	Nguyễn Thị Minh	Thư	05/03/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B303
04	A2-348	23600038	Nguyễn Lý Anh	Thư	14/02/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
05	A2-349	23600161	Ngô Thị Anh	Thư	19/09/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
06	A2-350	24635005	Phạm Huỳnh Anh	Thư	04/04/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
07	A2-351	24641143	Võ Hoàng Minh	Thư	31/05/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B303
08	A2-352	24611106	Huỳnh Thị Kim	Thuận	01/10/2006	Nữ	Bình Phước	A2	B303
09	A2-353	24611117	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	06/08/2006	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
10	A2-354	24611103	Võ Thị Ngọc	Trâm	05/11/2006	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
11	A2-355	23631097	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
12	A2-356	25671058	Ngô Thanh	Trúc	27/04/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
13	A2-357	24635178	Hồ Chí	Trung	18/05/2006	Nam	Tiền Giang	A2	B303
14	A2-358	23641349	Nguyễn Minh	Trường	10/01/2004	Nam	TP. HCM	A2	B303
15	A2-359	24635127	Đỗ Ngọc Thanh	Tuyền	08/10/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B303
16	A2-360	24635041	Nguyễn Thị Bích	Vân	06/02/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
17	A2-361	23682094	Lê Thảo	Vân	15/04/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
18	A2-362	23641327	Ngô Tấn	Vinh	16/06/2004	Nam	TP. HCM	A2	B303
19	A2-363	23682105	Hà Nguyễn Ngọc Yến	Vy	22/05/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
20	A2-364	23631361	Trần Bảo	Vy	28/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
21	A2-365	24600338	Tạ Đoàn Quốc	An	19/06/2006	Nam	Bình Thuận	A2	B303
22	A2-366	25614159	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	02/08/2007	Nữ	TP. HCM	A2	B303
23	A2-367	25614157	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	12/11/2007	Nữ	Lâm Đồng	A2	B303
24	A2-368	24600046	Đinh Văn	Đạt	10/12/2003	Nam	Phú Yên	A2	B303
25	A2-369	25614336	Bùi Ngọc Hân	Di	02/04/2007	Nữ	TP. HCM	A2	B303
26	A2-370	24600293	Trương Thị Ngọc	Diễm	23/09/2006	Nữ	Đắk Lắk	A2	B303
27	A2-371	24641123	Lê Hải Sơn	Hà	27/08/2006	Nam	TP. HCM	A2	B303
28	A2-372	24600039	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	24/05/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
29	A2-373	25641003	Lê Thị Cẩm	Hằng	04/09/2002	Nữ	Cà Mau	A2	B303
30	A2-374	24600277	Võ Thị Ngọc	Hiền	25/10/2006	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B303
31	A2-375	24641154	Phạm Đức	Huy	30/09/2005	Nam	TP. HCM	A2	B303
32	A2-376	24600161	Phan Thanh	Khánh	14/02/2006	Nữ	Hà Tĩnh	A2	B303
33	A2-377	23661060	Nguyễn Anh	Kiệt	27/09/2005	Nam	Đắk Lắk	A2	B303
34	A2-378	24641152	Nguyễn Quốc	Kỳ	01/04/2005	Nam	An Giang	A2	B303
35	A2-379	24641255	Trương Ngọc Xuân	Lan	18/06/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
36	A2-380	24662005	Nguyễn Hoàng	Lân	03/11/2003	Nam	TP. HCM	A2	B303
37	A2-381	24600002	Nguyễn Khánh	Linh	30/10/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B303
38	A2-382	24600010	Trần Hải Hoàng	Long	04/08/2004	Nam	TP. HCM	A2	B303
39	A2-383	24661021	Vũ Hoàng	Long	17/02/2006	Nam	TP. HCM	A2	B303

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 23/8/2026 - Buổi chiều thời gian: 13g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-384	24641252	Lê Đức	Mạnh	02/04/2004	Nam	Bình Phước	A2	B304
02	A2-385	25651003	Phạm Thị Thanh	Mỹ	29/02/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B304
03	A2-386	24600007	Nguyễn Ngọc Phương	Oanh	14/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
04	A2-387	24600400	Bùi Hải	Phong	19/01/2006	Nam	Đắk Lắk	A2	B304
05	A2-388	24641136	Bùi Văn	Phong	13/05/2005	Nam	Bà Rịa-Vũng Tàu	A2	B304
06	A2-389	24641040	Chung Hồng	Phúc	01/02/2006	Nam	TP. HCM	A2	B304
07	A2-390	25651010	Nguyễn Văn	Phúc	07/09/2004	Nam	Long An	A2	B304
08	A2-391	24641179	Kha Tích	Sang	11/01/1998	Nam	TP. HCM	A2	B304
09	A2-392	24600289	Lê Minh	Thông	28/07/2003	Nam	Phú Yên	A2	B304
10	A2-393	25651006	Lê Thụy Xuân	Thúy	16/12/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B304
11	A2-394	24600465	Nguyễn Hà Mỹ	Trâm	06/02/2006	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
12	A2-395	24600372	Huỳnh Châu Bảo	Trân	12/11/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
13	A2-396	24600377	Bùi Thị Mỹ	Trang	08/03/2006	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
14	A2-397	25651014	Trần Hoàng	Tú	27/04/2006	Nam	Tiền Giang	A2	B304
15	A2-398	24600131	Bùi Yến	Vy	03/01/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B304
16	A2-399	24600177	Nguyễn Trương Tường	Vy	03/01/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B304
17	A2-400	24600275	Lê	Vy	25/04/2006	Nữ	Bình Định	A2	B304
18	A2-401	24600292	Đoàn Thị Lệ	Vy	17/10/2006	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
19	A2-402	24600368	Tsú Đại	Vỹ	02/02/2006	Nam	Lâm Đồng	A2	B304
20	A2-403	24600392	Võ Thị Ngọc	Y	20/08/2006	Nữ	Đồng Tháp	A2	B304
21	A2-404	24600333	Tô Thị	Yến	20/08/2006	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
22	A2-405	24631016	Lâm Khả	Ái	16/10/2003	Nữ	Cà Mau	A2	B304
23	A2-406	24641297	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	16/06/2006	Nữ	Thanh Hóa	A2	B304
24	A2-407	23600227	Nguyễn Hải	Đăng	10/11/2026	Nam	Đồng Tháp	A2	B304
25	A2-408	24641080	Tạ Thành	Đạt	16/03/2006	Nam	Tiền Giang	A2	B304
26	A2-409	22634022	Nguyễn Lương Việt	Dũng	13/04/2003	Nam	TP. HCM	A2	B304
27	A2-410	23641208	Vương Thị Ngọc	Hân	13/02/2005	Nữ	Tây Ninh	A2	B304
28	A2-411	24631089	Nguyễn Thị Trúc	Hồng	24/08/2005	Nữ	Đắk Nông	A2	B304
29	A2-412	24611215	Trần Ngọc	Huy	26/12/2002	Nam	TP. HCM	A2	B304
30	A2-413	24641270	Trần Thị Mỹ	Huyền	30/03/2006	Nữ	Lâm Đồng	A2	B304
31	A2-414	24600548	Nguyễn Thị	Huyền	05/04/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
32	A2-415	23671007	Châu Nguyễn Kim	Khánh	07/03/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B304
33	A2-416	23600219	Nguyễn Trung	Kiên	15/02/2005	Nam	An Giang	A2	B304
34	A2-417	20612057	Trần Thị Cẩm	Ly	07/06/2002	Nữ	Bến Tre	A2	B304
35	A2-418	24600561	Bùi Ngọc Kiều	My	15/05/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
36	A2-419	24641327	Lê Xuân	Nghĩa	04/01/2004	Nam	TP. HCM	A2	B304
37	A2-420	24641273	Trần Khánh	Ngọc	22/11/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B304
38	A2-421	24611173	Lê Bá Khánh	Nguyễn	12/08/2006	Nam	Ninh Thuận	A2	B304
39	A2-422	24641090	Nguyễn Minh	Nhật	25/06/2006	Nam	Quảng Ngãi	A2	B304

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 23/8/2026 - Buổi chiều thời gian: 13g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-423	25631361	Trần Thị Yến	Nhi	29/09/1997	Nữ	Cần Thơ	A2	B306
02	A2-424	24641232	Lâm Thị Mỹ	Nhi	20/01/2006	Nữ	Khánh Hòa	A2	B306
03	A2-425	24641111	Huỳnh Thanh Nguyệt	Nhi	14/01/2006	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
04	A2-426	23600180	Lý Chấn	Phong	17/12/2003	Nam	TP. HCM	A2	B306
05	A2-427	24641296	Phạm Phú	Quốc	21/06/2006	Nam	Khánh Hòa	A2	B306
06	A2-428	24631038	Huỳnh Bội	San	13/10/2001	Nữ	TP. HCM	A2	B306
07	A2-429	21634025	Trần Vũ Phước	Sang	06/08/2003	Nam	TP. HCM	A2	B306
08	A2-430	24641078	Sầm Minh	Tâm	31/07/2006	Nam	TP. HCM	A2	B306
09	A2-431	21631470	Vũ Thị Phương	Thảo	26/10/2002	Nữ	Nam Định	A2	B306
10	A2-432	24600560	Nguyễn Thị Kim	Thoa	26/01/2002	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
11	A2-433	24641093	Nguyễn Thị Mỹ	Thường	01/02/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
12	A2-434	24600228	Nguyễn Phụng	Tiên	23/01/2006	Nữ	An Giang	A2	B306
13	A2-435	24641261	Võ Thị Huyền	Trân	11/07/2006	Nữ	Trà Vinh	A2	B306
14	A2-436	21641650	Nguyễn Ngọc Đoàn	Trang	18/12/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B306
15	A2-437	24600252	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	02/05/2003	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B306
16	A2-438	23600022	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	28/10/2001	Nữ	Tây Ninh	A2	B306
17	A2-439	24600215	Huỳnh Ngọc Cát	Tường	15/02/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B306
18	A2-440	24611186	Phạm Quốc	Việt	14/04/2005	Nam	TP. HCM	A2	B306
19	A2-441	24600188	Nguyễn Sơn	Vinh	20/05/1999	Nam	TP. HCM	A2	B306
20	A2-442	24635192	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	01/01/2004	Nữ	Sóc Trăng	A2	B306
21	A2-443	24611110	Đặng Ngọc Như	Quỳnh	21/02/2006	Nữ	à Rịa-Vũng T	A2	B306
22	A2-444	24600271	Trần Mạnh	Luân	23/07/2006	Nam	TP. HCM	A2	B306
23	A2-445	23612080	Trần Gia Trọng	Tuyến	26/08/2005	Nam	Khánh Hòa	A2	B306
24	A2-446	24641075	Nguyễn Thị Kim	Ngân	17/10/2006	Nữ	Long An	A2	B306
25	A2-447	24641207	Đoàn Nguyễn Thành	Nhân	17/10/2005	Nam	Đồng Nai	A2	B306
26	A2-448	23612118	Huỳnh Thị Ngọc	Diệp	14/08/2005	Nữ	à Rịa-Vũng T	A2	B306
27	A2-449	24600214	Nguyễn Kiều	Ngân	14/04/2006	Nữ	Long An	A2	B306
28	A2-450	23681020	Huỳnh Phước	Đạt	24/07/2005	Nam	Kiên Giang	A2	B306
29	A2-451	23681047	Vũ Đức Duy	Kiểm	22/01/2003	Nam	TP. HCM	A2	B306
30	A2-452	23641077	Lê Quốc	Thịnh	20/07/2005	Nam	Hậu Giang	A2	B306
31	A2-453	23635126	Bùi Thị	Quỳnh	22/02/2005	Nữ	Trà Vinh	A2	B306
32	A2-454	24600159	Phan Văn	Thành	28/10/2006	Nam	Đắk Lắk	A2	B306
33	A2-455	24600172	Phạm Lộc	Thành	22/08/2006	Nam	Bình Phước	A2	B306
34	A2-456	22641488	Trần Quốc	Hùng	21/11/2004	Nam	TP. HCM	A2	B306
35	A2-457	24631272	Lý Diên	Hoành	17/08/1999	Nam	TP. HCM	A2	B306
36	A2-458	24682024	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	16/11/2006	Nữ	Bến Tre	A2	B306
37	A2-459	23641302	Trần Thị Ngọc	Niệm	29/07/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B306
38	A2-460	22631224	Nguyễn Đăng	Khoa	26/07/2003	Nam	TP. HCM	A2	B306
39	A2-461	24611123	Đinh Phạm Quốc	Thịnh	10/04/2006	Nam	Đồng Nai	A2	B306

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 23/8/2026 - Buổi chiều thời gian: 13g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
Trình độ tương đương B1									
01	B1-01	19641403	Trần Lê Ngọc	Ánh	26/08/2001	Nữ	TP. HCM	B1	B308
02	B1-02	24613027	Nguyễn Phương	Đông	06/03/2006	Nam	TP. HCM	B1	B308
03	B1-03	23613030	Trần Viết Nhật	Khoa	13/04/2004	Nam	à Rịa-Vũng Tàu	B1	B308
04	B1-04	23613031	Nguyễn Thị	Luân	07/09/2003	Nữ	Bình Thuận	B1	B308
05	B1-05	24613268	Phạm Thị Ngọc	Mai	25/03/2006	Nữ	Long An	B1	B308
06	B1-06	24613258	Trần Thị Kiều	Mi	16/06/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B308
07	B1-07	24613250	Huỳnh Khã	Mi	20/05/2006	Nữ	Tiền Giang	B1	B308
08	B1-08	23613187	Võ Thuý	Ngọc	29/12/2004	Nữ	Bình Định	B1	B308
09	B1-09	23613188	Đoàn Việt Khánh	Nhi	21/08/2005	Nữ	Cần Thơ	B1	B308
10	B1-10	24600286	Đặng Anh	Quốc	25/07/2006	Nam	Long An	B1	B308
11	B1-11	24631159	Trần Quốc	Sang	20/07/2006	Nam	Thanh Hóa	B1	B308
12	B1-12	24613106	Đỗ Tấn	Tài	19/01/2006	Nam	Bình Thuận	B1	B308
13	B1-13	24613193	Hoàng Minh	Thư	31/12/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B308
14	B1-14	24600328	Thạch Thị Kim	Xuân	23/03/2006	Nữ	Bình Phước	B1	B308
15	B1-15	24612015	Nguyễn Thị Như	Ý	24/02/2006	Nữ	Long An	B1	B308
16	B1-16	23613153	Đỗ Nhật Đức	Tín	15/12/2005	Nam	Long An	B1	B308
17	B1-17	25613145	Đặng Thị Thuý	An	15/01/2005	Nữ	Đắk Lắk	B1	B308
18	B1-18	24613194	Phan Ngọc Phương	Anh	27/05/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B308
19	B1-19	25613274	Đoàn Quang	Bảo	10/11/1998	Nam	TP. HCM	B1	B308
20	B1-20	24613232	Đặng Huỳnh Gia	Bảo	07/06/2006	Nam	TP. HCM	B1	B308
21	B1-21	25611234	Huỳnh Thị Ngọc	Bích	13/02/2007	Nữ	TP. HCM	B1	B308
22	B1-22	25611187	Trần Lê Thanh	Bình	15/09/2005	Nữ	TP. HCM	B1	B308
23	B1-23	23613095	Võ Phúc Phụng	Đài	05/04/2005	Nữ	Khánh Hòa	B1	B308
24	B1-24	24613061	Nguyễn Thị Hồng	Đào	28/05/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B308
25	B1-25	24613163	Phạm Huệ	Đoan	10/05/2006	Nữ	Cà Mau	B1	B308
26	B1-26	24613165	Lê nguyên hoàng	Duy	04/12/2006	Nam	Đồng Tháp	B1	B308
27	B1-27	24613249	Nguyễn Ngọc	Hân	10/03/2006	Nữ	Bình Dương	B1	B308
28	B1-28	25613179	Đào Ngọc Bảo	Hân	20/04/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B308
29	B1-29	24613153	Lê Thị Mỹ	Hạnh	05/02/2006	Nữ	Đắk Lắk	B1	B308
30	B1-30	24613021	Cao Hoàng Kha	Kha	22/11/2003	Nam	Tiền Giang	B1	B308
31	B1-31	25613168	Phan Kim	Khánh	12/12/2007	Nữ	Bình Thuận	B1	B308
32	B1-32	23613192	Lê Nhật	Kỳ	25/04/2005	Nam	Bình Định	B1	B308
33	B1-33	24613225	Phùng Thị Yến	Linh	18/10/2006	Nữ	Quảng Ngãi	B1	B308
34	B1-34	24613277	Hà Hưng	Long	08/06/2006	Nam	TP. HCM	B1	B308
35	B1-35	25613177	Đinh Thị Trà	My	24/09/2007	Nữ	Bình Định	B1	B308
36	B1-36	24613237	Lê Mai Trà	My	31/05/2006	Nữ	Tiền Giang	B1	B308

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 23/8/2026 - Buổi chiều thời gian: 13g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
Trình độ tương đương B1									
01	B1-37	24613202	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	12/01/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B408
02	B1-38	24613132	Châu Hữu	Nghĩa	29/01/2006	Nam	Long An	B1	B408
03	B1-39	24613236	Hồ Lê Thanh	Ngọc	04/03/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B408
04	B1-40	23613071	Đỗ Thị Thanh	Nhân	30/12/2005	Nữ	Bình Thuận	B1	B408
05	B1-41	24613180	Võ Thị Yên	Nhi	28/06/2006	Nữ	Quảng Ngãi	B1	B408
06	B1-42	24613155	Nguyễn Thị Yên	Nhi	12/09/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B408
07	B1-43	24613154	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	12/09/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B408
08	B1-44	24613066	Nguyễn Thị Nam	Phương	03/11/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B408
09	B1-45	23613172	Phạm Minh	Quân	13/09/2004	Nam	TP. HCM	B1	B408
10	B1-46	24613073	Trần Đức	Quỳnh	01/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	B1	B408
11	B1-47	25662007	Phạm Nguyễn Minh	Thư	25/11/2007	Nữ	Bến Tre	B1	B408
12	B1-48	23613200	Nguyễn Ngọc	Trâm	09/10/2005	Nữ	Tiền Giang	B1	B408
13	B1-49	24613221	Phạm Nhật	Trâm	28/10/2006	Nữ	Quảng Ngãi	B1	B408
14	B1-50	24613186	Huỳnh Phương	Trang	24/01/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B408
15	B1-51	24613243	Huỳnh Văn Ngọc	Triệu	19/06/2006	Nam	Tiền Giang	B1	B408
16	B1-52	24613115	Nguyễn Việt	Trung	03/08/2006	Nam	Ninh Thuận	B1	B408
17	B1-53	23613152	Phạm Thị Thanh	Tuyền	18/05/2005	Nữ	TP. HCM	B1	B408
18	B1-54	24613204	Võ Thái	Vy	09/07/2006	Nữ	Bình Thuận	B1	B408
19	B1-55	24613188	Vương Lam	Yên	21/02/2006	Nữ	Đắk Lắk	B1	B408
20	B1-56	24613135	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	09/01/2006	Nữ	à Rịa-Vũng T	B1	B408
Trình độ tương đương B2									
22	B2-01	24621127	Nguyễn Phúc Bình	An	29/10/2006	Nữ	TP. HCM	B2	B408
23	B2-02	23621013	Huỳnh Vũ Hồng	Anh	30/01/2003	Nữ	TP. HCM	B2	B408
24	B2-03	23621071	Trần Phúc Lan	Anh	13/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	B2	B408
25	B2-04	24621006	Lê Thẩm Linh	Đan	25/06/2005	Nữ	Quảng Trị	B2	B408
26	B2-05	24621125	Hoàng Kỳ	Duyên	11/10/2006	Nữ	TP. HCM	B2	B408
27	B2-06	24621029	Bùi Gia	Hân	16/04/2005	Nữ	Lâm Đồng	B2	B408
28	B2-07	24621034	Nguyễn Hữu Chiêu	Nghi	02/09/2005	Nữ	Khánh Hòa	B2	B408
29	B2-08	23621136	Vũ Băng	Nhạn	03/09/2005	Nữ	Lâm Đồng	B2	B408
30	B2-09	21621212	Đỗ Như	Quỳnh	16/03/2003	Nữ	Khánh Hòa	B2	B408
31	B2-10	20621275	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	17/03/2001	Nữ	Bình Định	B2	B408
32	B2-11	23621079	Lê Ngọc	Trúc	13/05/2003	Nữ	TP. HCM	B2	B408
33	B2-12	22621033	La Nguyễn Quỳnh	Anh	27/04/2000	Nữ	TP. HCM	B2	B408
34	B2-13	24621013	Nguyễn Gia	Bảo	06/02/2006	Nam	Tây Ninh	B2	B408
35	B2-14	23621007	Cao Huỳnh Khánh	My	16/01/2003	Nữ	TP. HCM	B2	B408
36	B2-15	24621030	Vũ Thị Tất	Nhiên	05/11/1993	Nữ	Đồng Nai	B2	B408

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.